

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:06 /2018/HNGĐ-ST.
Ngày 28/02/2018.
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình – Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thời.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Vững.

Ông Mai Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lê Duy Khánh, là Thư ký Tòa án huyện Tháp Mười.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án huyện Tháp Mười mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/2017/TLST–HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2017, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX - ST ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Bích T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Tạm trú: ấp Thạnh Lập, xã Thanh Phú, huyện Thạnh Hóa, Long An.

- Bị đơn: Phạm Chí B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Chị T có mặt tại phiên tòa, anh B vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2017, chị T trình bày:

Vào năm 2011, chị với anh B có sự thương yêu nhau nên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân.

Sau đám cưới chị về làm dâu nhưng sống gia đình bên chồng không được nên chị về nhà cha mẹ ruột sống, còn anh B thì đi đi về về. Sau khi con được 04 tháng thì chị và anh B trở về nhà cha mẹ anh B ở được một năm. Vào dịp tết năm 2014, chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở, còn anh B có quan hệ với người phụ nữ khác nên chị có nộp đơn xin ly hôn, anh B có năn nỉ nên chị rút đơn; vợ chồng sống với nhau khoảng 07 tháng nhưng anh B không sửa nên giữa năm 2016 chị với anh B ly thân cho đến nay. Nay chị xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 19/01/2013, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ mà chị T nộp cho Tòa án bao gồm: CMND+SHK (photo), giấy đăng ký kết hôn (bản chính), giấy khai sinh (photo).

Tại phiên tòa, anh B vắng mặt. Theo tờ tự khai ngày 12/01/2018, anh B trình bày:

Anh với chị T quen biết nhau, tiến tới hôn nhân vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân. Lúc đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng hay cãi nhau, T không chịu làm dâu nhiều lần tự ý bỏ nhà đi. Hơn một năm nay anh và chị T ly thân nhau. Nay T ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 19/01/2013, anh đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ mà anh B nộp cho Tòa án bao gồm: Tờ tự khai ngày 12/01/2018 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh B là bị đơn vắng mặt. Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh B. Về con chung chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có. Theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án huyện Tháp Mười.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B kết hôn vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân là phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T cho rằng chị và anh B sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay, anh B không đến thăm nom vợ con và có người phụ nữ khác, nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh B thời gian ly thân hơn một năm nên mục đích hôn nhân không đạt được áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị T được ly hôn với anh B là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: Chị T yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 19/01/2013 (cháu sống với chị T), không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Xét thấy, cháu Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 19/01/2013, hiện đang sống với chị T và theo tự khai, anh B cũng đồng ý giao cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh B được quyền thăm nom con.

Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Thu nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Chí B.
2. Về con chung: giao con chung Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 19/01/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không cấp dưỡng nuôi con.
- Chị T, anh B có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Sau khi ly hôn anh B được quyền thăm nom con không ai được quyền cản trở.
3. Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 01469 ngày 11/10/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.
6. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện;
- THADS Huyện;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Thời